TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/ DS-ST
Ngày: 14/10/2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Ngọc Hồng;

Ông Nguyễn Nhật Quang.

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST - DS ngày ngày 04 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2019/QĐST- DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; nơi thường trú: số 265/2^{D}, khu phố T, phường A, thị xã T1, tỉnh Bình Dương.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Võ Văn K, sinh năm 1976; nơi thường trú: số 8/68N, tổ 68, khu phố 6, phường P, thành phố H, tỉnh Bình Dương – là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 20/6/2019). Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Ngọc Đ, sinh năm 1967; nơi tạm trú: số 283B/3, khu phố T, phường A, thị xã T1, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị Ngọc Đ có mối quan hệ là bạn bè quen biết với nhau. Ngày 28/5/2019 bà L có cho bà Đ vay số tiền 137.000.000 đồng, có lập hợp đồng vay tiền (không ghi ngày tháng), thời hạn thanh toán là 01 tháng kể từ ngày 28/5/2019, phương thức trả dần là mỗi ngày trả 5.000.000 đồng đến ngày 28/6/2019 trả hết số tiền gốc. Hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng về lãi suất là 5%/tháng, không có ghi nhận trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đ chỉ mới trả cho bà L 03 lần với tổng số tiền là 20.000.000 đồng (không nhớ rõ ngày thanh toán). Đến nay bà Đ không thanh toán cho bà L bất cứ khoản tiền nào khác theo thỏa thuận.

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu giải quyết Tòa án buộc bà Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho bà L số tiền nợ gốc là 117.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng vay tiền (bản photo); chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản chứng thực).

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền vay, bị đơn có tạm trú tại phường A, thị xã T1, tỉnh Bình Dương. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng vẫn vắng mặt, cố tình không đến Tòa án làm việc là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xét xử vắng mặt bà Điệp theo

quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Ngày 28/5/2019 bà L có cho bà Đ vay số tiền 137.000.000 đồng, có lập thành hợp đồng vay tiền (không ghi ngày tháng), thời hạn thanh toán là 01 tháng kể từ ngày 28/5/2019, phương thức trả dần là mỗi ngày trả 5.000.000 đồng đến ngày 28/6/2019 trả hết số tiền gốc. Bà Đ chỉ mới trả cho bà L 03 lần với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, từ ngày 28/6/2019 bà Đ không trả cho bà L bất cứ khoản tiền nào. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn bà Trần Thị Ngọc Đ.

2. Buộc bà Trần Thị Ngọc Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 117.000.000 đồng (một trăm mười bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc Đ phải chịu 5.850.000 đồng (năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 2.925.000 đồng (hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0035694 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án, được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà